

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Nguyễn Ngọc Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa: Ông Bùi Khắc Nghiệp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Thu H** – sinh năm 1986, nơi thường trú: **H, X, Sông C, Phú Yên**. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh C** – sinh năm 1978, nơi thường trú: **H, X, Sông C, Phú Yên**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **H** với anh **C** tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 18/4/2005 tại **UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên**. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có sự tin tưởng, xúc phạm lẫn nhau, do anh **C** ngoại tình, rồi về đánh đập xua đuổi vợ, hiện các con đã lớn mà vợ chồng thường kình cãi làm ảnh hưởng đến tâm lý các con nên chị **H** đã chuyển đi nơi khác sống ly thân với **C**. Trước đây chị **H** cũng đã nộp đơn ly hôn tại Tòa, rồi rút đơn để vợ chồng về hàn gắn lại tình cảm nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ về sống chung nên chị **H** xin được ly hôn với anh **C**.

Về con chung: Có 03 con chung: **Nguyễn Minh N** – sinh ngày 06/10/2006, **Nguyễn Minh Đ** – sinh ngày 30/9/2008 và **Nguyễn Thị Kim T** – sinh ngày 21/02/2013. Hiện cả 03 con đều sống cùng nhà với anh **C**, do anh **C** trực tiếp nuôi

dưỡng. Nay ly hôn cả 03 con đều có nguyện vọng ở với anh **C** nên chị **H** thống nhất giao cả 03 con cho anh **C** nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị **H** trình bày tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/9/2024.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã được Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Giao cả 03 con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/9/2024 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị **H** có đơn xin ly hôn với anh **C** cư trú tại **T** tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Chị **H** với anh **C** tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 18/4/2005 tại **UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên** là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của chị **H** thì quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn tin tưởng, khi kinh cãi thì xúc phạm lẫn nhau, các con đã lớn mà vợ chồng thường kinh cãi làm ảnh hưởng đến tâm lý các con nên chị **H** đã chuyển đi nơi khác sống ly thân với **C**. Trước đây chị **H** cũng đã nộp đơn ly hôn tại Tòa, rồi rút đơn để vợ chồng về hàn gắn lại tình cảm nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Nay chị **H** cương quyết xin được ly hôn với anh **C** vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ về sống chung. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo hòa giải nhưng anh **C** cố tình vắng mặt là không có thiện chí hoà giải mâu thuẫn để vợ chồng về đoàn tụ sống chung. Thấy rằng, tình

trạng hôn nhân giữa chị **H** với anh **C** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H** với anh **C**.

[4] Về con chung: Chị **H** trình bày có 03 con chung là: **Nguyễn Minh N** – sinh ngày 06/10/2006, **Nguyễn Minh Đ** – sinh ngày 30/9/2008 và **Nguyễn Thị Kim T** – sinh ngày 21/02/2013. Hiện cả 03 con đều sống cùng nhà với anh **C**, do anh **C** trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị **H** thống nhất giao cả 03 con cho anh **C** nuôi dưỡng là phù hợp thực tế và nguyện vọng của 03 con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên toà, chị **H** trình bày tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con 500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/9/2024 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, Điều 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Thu H**.

[1] Về hôn nhân: Chị **Phạm Thị Thu H** được ly hôn với anh **Nguyễn Minh C**.

[2] Về con chung: Anh **Nguyễn Minh C** trực tiếp nuôi dưỡng **Nguyễn Minh N** – sinh ngày 06/10/2006, **Nguyễn Minh Đ** – sinh ngày 30/9/2008 và **Nguyễn Thị Kim T** – sinh ngày 21/02/2013.

Chị **Phạm Thị Thu H** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi **Nguyễn Minh N** số tiền 500.000đ/tháng, **Nguyễn Minh Đ** số tiền 500.000đ/tháng và **Nguyễn Thị Kim T** số tiền 500.000đ/tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/9/2024. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị **Phạm Thị Thu H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị **Phạm Thị Thu H** phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 314 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

Chị **Phạm Thị Thu H** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về cấp dưỡng.

[5] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- UBND xã Xuân Cảnh,
thị xã Sông Cầu (cập nhật hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Triều